

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 222/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Hồng Thuý

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 204/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đào T H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1982; nơi ĐKKHTT: Tổ dân phố Q, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: 10972 152 ST Surrey BC V3R 656, Canada.

Chị Đào T H và anh Trần Văn T đều vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Đào T H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào T H và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phúc, huyện Kiến Thụy (nay là phường Đa Phúc, quận Dương Kinh), thành phố

Hải Phòng vào ngày 29/11/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã tiến hành hoà giải nhưng không thành. Đến năm 2020, anh T sang Canada lao động. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Trần V, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2008; Trần H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2013 và Trần K, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2016. Khi ly hôn chị H và anh T cùng thống nhất đề nghị Toà án giao cả 03 con chung cho anh T trực tiếp nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), bị đơn là anh Trần Văn T trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Đào T H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã Đa Phúc, huyện Kiến Thụy (nay là phường Đa Phúc, quận Dương Kinh), thành phố Hải Phòng vào ngày 29/11/2007. Quá trình chung sống được một thời gian thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Về việc chị H có đơn xin ly hôn anh T tại Toà án, anh T đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Trần V, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2008; Trần H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2013 và Trần K, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2016. Khi ly hôn chị H và anh T cùng thống nhất đề nghị Toà án giao cả 03 con chung cho anh T trực tiếp nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do nguyên đơn chị Đào T H và bị đơn anh Trần Văn T đề nghị Toà án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Toà án không tiến hành hòa giải vụ án được. Anh Trần Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt và uỷ quyền cho chị Đào T H nhận thay các văn bản tố tụng của Toà án.

Tại phiên tòa, chị Đào T H và anh Trần Văn T vắng mặt, chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu,

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Chị Đào T H xin ly hôn anh Trần Văn T hiện đang cư trú tại Canada. Địa chỉ nơi ĐKKHKT và nơi ở của anh T trước khi đi Canada là: Tổ dân phố Q, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Đào T H và bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt và cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Đào T H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phúc, huyện Kiến Thụy (nay là phường Đa Phúc, quận Dương Kinh), thành phố Hải Phòng vào ngày 29/11/2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cả hai anh chị cùng thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Nhận thấy anh chị hiện đã sống ly thân mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng của cả hai bên không còn, khả năng hàn gắn, đoàn tụ là không thể nên anh chị cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của chị H và anh Trần Văn T là tự nguyện, căn cứ vào Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào T H và anh Trần Văn T.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Trần V, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2008; Trần H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2013 và Trần K, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2016. Chị H và anh T cùng thống nhất giao con chung Trần V, Trần H và Trần K cho anh T trực tiếp nuôi, phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con Trần V, Trần H và Trần K cho anh T trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc

có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử tạm thời không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Đào T H và anh Trần Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đào T H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Đào T H và anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào T H, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào T H được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Trần V, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2008; Trần H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2013 và Trần K, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị Đào T H và anh Trần Văn T không yêu cầu, nên tạm thời Tòa án không xem xét, giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Đào T H và anh Trần Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đào T H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000545 ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đào T H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Đào T H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 29/11/2007);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Diệp

